TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, *tỉnh Bình Định tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 327/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bạch Thanh H, sinh năm 1972 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, thôn N1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Xóm T, thôn N1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo nguyên đơn anh Bạch Thanh H trình bày:

Trước khi cưới, anh và chị Nguyễn Thị H1 có tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã N, huyện A (nay là thị xã A). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống bình thường tại xóm T, thôn N1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Đến năm 2018 thì chị H1 bỏ nhà đi đến nay không trở về. Anh đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không biết hiện nay chị H1 đang làm gì và ở đâu. Chị H1 bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 112/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A. Sau thời điểm Tòa án tuyên bố mất tích, anh cũng không biết thông tin gì về chị H1. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H1.

Vợ chồng hiện nay có 01 người con chung tên Bạch Thành N2, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014. Hiện nay con chung đang ở với anh. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Bạch Thanh H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bạch Thanh H đối với chị Nguyễn Thị H1. Giao người con chung tên Bạch Thành N2 cho anh Bạch Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Bạch Thanh H không yêu cầu chị Nguyễn Thị H1 cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Không xem xét giải quyết về tài sản chung vì anh Bạch Thanh H không yêu cầu. Anh Bạch Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Bạch Thanh H yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị H1 có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích tại xóm T, thôn N1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị H1 bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 112/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng chị H1 không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn anh Bạch Thanh H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H1.

[4] Anh H và chị H1 đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A (nay là thị xã A) nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp. Anh H yêu cầu ly hôn vì chị H1 bị tuyên bố mất tích. Xét thấy yêu cầu của anh H là phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh H và chị H1 có một người con chung tên Bạch Thành N2, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014. Hiện nay con chung đang ở với anh H. Anh H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của anh H phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhơn và phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận. Anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bạch Thanh H đối với chị Nguyễn Thị H1.

2. Giao người con chung tên Bạch Thành N2, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014 cho anh Bạch Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Chị Nguyễn Thị H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không xem xét giải quyết về tài sản chung vì đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Bạch Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005581 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Anh Bạch Thanh H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh